

Sáng kiến “Vành đai và Con đường” của Trung Quốc và một số kiến nghị hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học Việt - Trung

Nguyễn Thị Quý

Email: ntquy@ued.udn.vn
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
459 Tôn Đức Thắng, quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

TÓM TẮT: Quốc tế hóa và khu vực hóa là xu thế phát triển của giáo dục đại học trên thế giới hiện nay. Việt Nam và Trung Quốc có vị trí địa lý gần gũi, quan hệ thương mại khăng khít, văn hóa - giáo dục tương đồng. Những yếu tố này là lợi thế để hai quốc gia tiến hành hợp tác quốc tế về giáo dục đại học, đặc biệt là trong bối cảnh Trung Quốc thực thi “Sáng kiến Vành đai và Con đường” (BRI). Để thúc đẩy hợp tác toàn diện về giáo dục đại học trong bối cảnh mới, hai quốc gia cần nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách hợp tác trên cơ sở đánh giá thực trạng hợp tác trước đây. Bài viết mô tả chính sách giáo dục của Trung Quốc trong khuôn khổ BRI, thực trạng hợp tác giáo dục đại học Việt - Trung trước khi Việt Nam tham gia vào BRI, từ đó đề xuất một số kiến nghị về hợp tác giáo dục đại học của hai quốc gia trong tương lai.

TỪ KHÓA: Sáng kiến Vành đai và Con đường, quốc tế hóa, giáo dục đại học, Việt Nam, Trung Quốc.

→ Nhận bài 29/9/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 02/10/2023 → Duyệt đăng 15/02/2024.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410211>

1. Đặt vấn đề

Sáng kiến “Vành đai và Con đường” (Belt and Road Initiative - BRI) là một mô hình phát triển và chiến lược hiện đại hóa mới do Chính phủ Trung Quốc đưa ra nhằm thúc đẩy hòa bình, hợp tác toàn diện, học hỏi lẫn nhau và cùng có lợi. Chiến lược này được thiết kế để phát triển dòng vốn, hàng hóa, dịch vụ và trao đổi văn hóa giữa Châu Á và phần còn lại của thế giới bằng cách thúc đẩy hội nhập thị trường khu vực và thiết lập mối quan hệ mới giữa các quốc gia và nền văn hóa tạo nên “Con đường tơ lụa” mới.

BRI mang đến những cơ hội to lớn để hội nhập sâu hơn về giáo dục ở các khu vực và quốc gia dọc theo tuyến đường. Một trong những mục tiêu quan trọng mà BRI hướng tới là tăng cường sự hợp tác trong lĩnh vực giáo dục giữa các quốc gia thuộc BRI. Theo đó, giáo dục sẽ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để giúp việc thực thi BRI thành công. Dưới tác động của BRI, hợp tác giáo dục đại học giữa Trung Quốc và các quốc gia dọc tuyến đường được thúc đẩy mạnh mẽ. Việt Nam là một trong những quốc gia láng giềng, là đối tác quan trọng trên tất cả các lĩnh vực, trong đó giáo dục đại học là một trong những lĩnh vực hợp tác có nhiều ưu thế. Nghiên cứu này mô tả chính sách giáo dục của Trung Quốc trong khuôn khổ BRI, đánh giá thực trạng hợp tác giáo dục đại học Việt-Trung trước khi Việt Nam tham gia BRI, chỉ ra những tác động đến giáo dục đại học Việt Nam sau khi tham gia BRI, từ đó đề xuất một số

kiến nghị thúc đẩy hợp tác giáo dục đại học của hai quốc gia trong tương lai.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chính sách giáo dục của Trung Quốc trong khuôn khổ thực thi BRI

2.1.1. Nội dung “Kế hoạch Hành động giáo dục”

Sáng kiến Vành đai và Con đường lần đầu tiên được Chính phủ Trung Quốc công bố vào năm 2013, bao gồm Vành đai kinh tế, Con đường tơ lụa và Con đường tơ lụa trên biển thế kỉ XXI. Tính đến ngày 30 tháng 01 năm 2021, Trung Quốc đã kí 205 văn kiện hợp tác với 171 quốc gia và tổ chức quốc tế, bao gồm Châu Á, Châu Âu, Châu Phi, Châu Mỹ, Châu Đại Dương và nhiều khu vực khác [1]. BRI nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường hợp tác trong phát triển nguồn nhân lực, giáo dục - đào tạo và dạy nghề, đồng thời nâng cao năng lực của người dân hai bên để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu việc làm trong tương lai nhằm nâng cao chất lượng nguồn lao động, cải thiện sinh kế của họ [2].

Năm 2016, Bộ Giáo dục Trung Quốc ban hành “Kế hoạch Hành động giáo dục”. Kế hoạch đã chỉ rõ trao đổi, hợp tác học thuật là một trong những ưu tiên hợp tác của Trung Quốc trong thực thi BRI [3]. Kế hoạch này đã thiết lập các cơ chế, chính sách toàn diện để tăng cường hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và các quốc gia BRI, với ba mục tiêu gồm: 1) Thúc đẩy quan hệ giữa người với người, tăng cường sự hiểu biết giữa Trung Quốc và các quốc gia BRI thông qua ngôn ngữ,

văn hóa và các chính sách khác; 2) Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để thực hiện BRI; 3) Đạt được sự phát triển chung về giáo dục với mục tiêu xây dựng một *Cộng đồng giáo dục nhất thể*. Trung Quốc kì vọng các quốc gia dọc theo các tuyến đường sẽ tăng cường hiểu biết, học hỏi lẫn nhau, hợp tác để cùng theo đuổi lợi ích và tương lai chung. Theo đó, Kế hoạch Hành động giáo dục xác định 3 lĩnh vực trọng tâm hợp tác giáo dục, cụ thể như sau:

Lĩnh vực 1: Hợp tác để nâng cao tính liên kết giáo dục, gồm 5 yếu tố: 1) Tăng cường phối hợp về chính sách giáo dục giữa các quốc gia thuộc BRI; 2) Tạo điều kiện thuận lợi cho các kênh hợp tác giáo dục; 3) Phá bỏ rào cản ngôn ngữ giữa các quốc gia trong khu vực; 4) Thúc đẩy mối quan hệ giữa người dân của các quốc gia; 5) Thúc đẩy sự công nhận lẫn nhau về các văn bằng học thuật.

Lĩnh vực 2: Tăng cường hợp tác về bồi dưỡng và đào tạo nhân tài, gồm 4 chương trình: 1) Trao đổi sinh viên giữa các quốc gia; 2) Hợp tác trong vận hành các tổ chức giáo dục và chương trình đào tạo; 3) Đào tạo giáo viên; 4) Liên kết giáo dục - đào tạo.

Lĩnh vực 3: Thiết lập các cơ chế hợp tác, gồm 4 yếu tố: 1) Tham vấn cấp cao về giao lưu, trao đổi giáo dục; 2) Phát huy đầy đủ các nền tảng trong hợp tác quốc tế; 3) Thực hiện Chương trình hỗ trợ giáo dục Con đường Tơ lụa; 4) Thiết lập “Giải thưởng Con lạc đà vàng” và “Cánh buồm vàng trên Con đường tơ lụa”.

2.1.2. Một số kết quả đã đạt được của “Kế hoạch Hành động giáo dục”

Về hợp tác để nâng cao tính liên kết giáo dục: Trung Quốc đã thiết lập quan hệ đối tác giáo dục với 188 quốc gia và khu vực, đồng thời thực hiện hợp tác và trao đổi giáo dục với 46 tổ chức quốc tế. Hiệp định công nhận lẫn nhau về văn bằng học thuật đã được kí kết với 47 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có 25 quốc gia thuộc BRI [4]. Ngoài ra, Trung Quốc đã xây dựng 2331 chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài; thành lập 512 Viện Khổng Tử và 1074 Lớp học Khổng Tử ở 140 quốc gia và khu vực trên thế giới, trong đó có 135 Viện và 129 Lớp học Khổng Tử tại 51 quốc gia thuộc BRI. Trên thế giới, hiện có 67 quốc gia đã ban hành nghị định đưa việc giảng dạy tiếng Trung vào hệ thống giáo dục quốc dân của mình. Các khóa học và chương trình tiếng Trung được đưa vào giảng dạy tại hơn 170 quốc gia, với số lượng người học đạt khoảng 100 triệu [5].

Để xây dựng một nền tảng liên kết từ trung ương đến địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các tỉnh thành tận dụng lợi thế và đặc thù của mình để hợp tác giáo dục với các quốc gia trong khu vực, tính đến năm 2019 Chính phủ Trung Quốc đã kí bản ghi nhớ về hợp tác quốc tế với mười tám tỉnh thành như: Cam Túc,

Ninh Hạ, Phúc Kiến, Quý Châu, một số khu tự trị và thành phố khác [4]. Một số địa phương đã mở rộng các chương trình để tăng cường hợp tác về khoa học công nghệ như: Kế hoạch hành động hợp tác khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Thiên Tân; Chương trình Hợp tác Quốc tế Vành đai và Con đường của Thượng Hải.

Về bồi dưỡng và đào tạo nhân tài: Mục tiêu bồi dưỡng, đào tạo nhân tài và nhân lực ở các quốc gia BRI là một trong những mục tiêu chính của việc hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học. Để thực hiện thành công BRI, Chính phủ Trung Quốc cần nguồn lao động có trình độ cao, không chỉ trong nước mà còn ở nước ngoài. Do vậy, quy mô sinh viên quốc tế được mở rộng bằng chương trình Học bổng Con đường tơ lụa, hàng năm cung cấp 10.000 suất học bổng chính phủ cho sinh viên các quốc gia thuộc BRI. Đến năm 2019, 54,1% sinh viên quốc tế học tập tại Trung Quốc đến từ các quốc gia này [6]. Trong giai đoạn 2017 - 2019, Trung Quốc đã phối hợp tổ chức 146 hội thảo với các quốc gia BRI, đào tạo hơn 2100 cán bộ khoa học và hơn 1800 nghiên cứu sinh tiến sĩ và thạc sĩ nước ngoài [7].

Ngoài ra, Chính phủ Trung Quốc cũng tìm cách đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ và đào tạo nhân lực trong lĩnh vực này. Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc (CAS) đã tài trợ hơn 1,8 tỉ nhân dân tệ để xây dựng các dự án khoa học công nghệ, đào tạo hơn 5000 tài năng khoa học công nghệ cấp cao, trong đó có hơn 1500 thạc sĩ và tiến sĩ. Cùng với đó, Viện đã khởi xướng hơn 100 dự án hợp tác khoa học công nghệ để hỗ trợ phát triển xanh; thành lập một quỹ đặc biệt để chuyển giao các thành tựu khoa học công nghệ; hợp tác với hơn 100 doanh nghiệp công nghệ cao và các tổ chức nghiên cứu để thành lập Liên minh công nghiệp Vành đai và Con đường. Hoạt động tham quan, giao lưu cấp cao của các nhà khoa học giữa CAS và các quốc gia BRI không ngừng tăng lên, đạt hơn 20.000 lượt thăm mỗi năm [8].

Về việc thiết lập các cơ chế và mạng lưới hợp tác: Chính phủ Trung Quốc đã kí 46 thỏa thuận hợp tác khoa học công nghệ với các quốc gia BRI; liên tiếp triển khai các chương trình hợp tác khoa học công nghệ thông qua các cơ chế hợp tác song phương và đa phương như Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Hội nghị Á - Âu, các hành lang kinh tế BRI, Diễn đàn về Hợp tác Trung Quốc - Châu Phi (FOCAC), UNESCO và nhiều tổ chức khác. Đồng thời, Trung Quốc cũng xây dựng nền tảng chuyên giao công nghệ tại năm khu vực gồm ASEAN, Nam Á, các nước Ả Rập, Trung Á, Trung và Đông Âu [3].

Các trường đại học cũng tích cực xây dựng mạng lưới để tăng cường hợp tác liên quan đến BRI. Năm 2015, Liên minh các trường đại học con đường tơ lụa mới

(University Alliance of the Silk Road - UASR) được thành lập với sự tham gia của 151 trường đại học từ 38 quốc gia và vùng lãnh thổ [9]. UASR đã thành lập các tiểu liên minh tập trung vào luật pháp, quản lý, sản xuất tiên tiến và công nghệ nano. Mục tiêu của UASR là thúc đẩy sự cởi mở, phát triển của khu vực, đồng thời đẩy mạnh trao đổi, hợp tác giữa các thành viên, thực hiện sứ mệnh phát triển Vành đai học thuật Con đường tơ lụa.

Năm 2018, Liên minh Tổ chức Khoa học Quốc tế (Alliance of International Science Organizations - ANSO) được thành lập. Đến năm 2023, ANSO bao gồm 67 thành viên từ 48 quốc gia BRI, trong đó có 27 Viện Hàn lâm, 23 trường đại học, 10 viện và cơ quan nghiên cứu, 7 tổ chức quốc tế. ANSO đã xác định tầm nhìn và sứ mệnh của mình là: “*Trở thành một tổ chức khoa học quốc tế có tác động toàn cầu trong việc thúc đẩy và thực hiện các chương trình đổi mới khoa học, công nghệ, nâng cao năng lực nhằm thúc đẩy các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc*” [10]. ANSO đã xây dựng kế hoạch hành động gồm các nội dung như trao tặng giải thưởng, cấp học bổng, thành lập các hiệp hội ngành, các dự án đào tạo chung với mục đích xây dựng một cơ chế và nền tảng thuận lợi cho hợp tác khoa học công nghệ, thúc đẩy phát triển bền vững.

Trong khu vực, hợp tác giáo dục đại học giữa Trung Quốc và ASEAN được thúc đẩy mạnh mẽ. Các hoạt động giao lưu, trao đổi diễn ra rộng khắp và thường xuyên như: Diễn đàn hiệu trưởng các trường đại học Đông Nam Á và Trung Quốc, Tuần lễ trao đổi giáo dục Trung Quốc - ASEAN. Ngoài ra, mạng lưới các trường đại học ASEAN mở rộng (ASEAN +3 UNet) được thành lập gồm 30 trường đại học thành viên của các quốc gia ASEAN cùng với 21 trường đại học ngoài khu vực, trong đó có 5 trường đại học của Trung Quốc gồm: Đại học Quảng Tây, Đại học Quý Châu, Đại học Bắc Kinh, Đại học Hạ Môn, Đại học Vân Nam.

Năm 2022, Hội nghị Bộ trưởng Giáo dục ASEAN - Trung Quốc đã đưa ra tuyên bố Tầm nhìn và hành động về hợp tác và phát triển giáo dục ASEAN - Trung Quốc (2022 - 2030), nhấn mạnh rằng, giáo dục là động lực chính của sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Các chủ đề được đưa ra gồm: nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của khu vực, tăng cường hợp tác nghiên cứu, thúc đẩy chuyển đổi kỹ thuật số trong giáo dục, củng cố đồng thuận văn hóa Châu Á.

2.2. Thực trạng hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học Việt - Trung trước khi Việt Nam tham gia BRI

2.2.1. Hợp tác quốc tế về giáo dục đại học tập trung chủ yếu ở các tỉnh biên giới của hai quốc gia

Một trong những đặc trưng trong quốc tế hóa giáo dục đại học ở Trung Quốc đó là “*Sự tương tác của Trung Quốc với các nước thành viên ASEAN trong giáo dục đại*

học chủ yếu diễn ra ở các trường thuộc các tỉnh tương đối kém phát triển hơn như Quảng Tây và Vân Nam” [11]. Việt Nam và Trung Quốc có chiều dài đường biên giới trên đất liền là 1.350 km đi qua 7 tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Quảng Ninh của Việt Nam và hai tỉnh Quảng Tây và Vân Nam của Trung Quốc. Hợp tác quốc tế về giáo dục đại học của hai quốc gia tập trung chủ yếu ở khu vực này, tuy nhiên còn tương đối phân tán. Tính đến năm 2016, tỉnh Quảng Tây đã tổ chức sáu triển lãm giáo dục tại Việt Nam, hơn 40 trường đại học ở Quảng Tây, thiết lập quan hệ hợp tác với hơn 60 trường đại học tại Việt Nam. Quảng Tây hiện có hơn 3.200 sinh viên Việt Nam đang theo học và Việt Nam đã trở thành quốc gia có số lượng sinh viên theo học tại đây nhiều nhất. Ngoài ra, từ năm 2014, Quảng Tây đã cung cấp 20 suất học bổng toàn phần cho mỗi tỉnh trong tổng số 4 tỉnh của Việt Nam có biên giới với Quảng Tây trong 5 năm liên tục, từ năm 2016, mỗi năm sẽ bổ sung thêm 5 suất [12].

Ngoài ra, một số trường đại học thuộc tỉnh Vân Nam, Trung Quốc có quan hệ hợp tác với các trường đại học ở Việt Nam như Đại học Vân Nam, Đại học Sư phạm Vân Nam, Đại học Nông nghiệp Vân Nam. Các thỏa thuận hợp tác giáo dục đại học, trao đổi sinh viên quốc tế được tăng cường và thúc đẩy. Năm 2007, “*Hợp đồng hợp tác đào tạo giữa Trường Đại học Vân Nam (Trung Quốc) và Sở Giáo dục tỉnh Lào Cai (Việt Nam)*” được ký kết, theo đó Hợp đồng nêu rõ: Từ năm 2007 đến năm 2010, mỗi năm Sở Giáo dục tỉnh Lào Cai sẽ trợ cấp cho 5-10 sinh viên Việt Nam sang học tại Đại học Vân Nam [13].

2.2.2. Hợp tác quốc tế về giáo dục đại học giữa hai quốc gia còn thiếu chiều sâu

Từ sau đổi mới, Việt Nam đã rất coi trọng quốc tế hóa giáo dục đại học, tập trung chủ yếu vào một số khía cạnh như hợp tác quốc tế về chương trình đào tạo, đề án đào tạo ở nước ngoài, đề án xây dựng trường đại học xuất sắc và cho phép thành lập phân hiệu đại học nước ngoài tại Việt Nam. Về hợp tác quốc tế trong chương trình đào tạo, tính đến ngày 21 tháng 3 năm 2017, Việt Nam có 299 chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học trên thế giới, trong đó có 10 chương trình liên kết đào tạo với Trung Quốc, chiếm 3,3 % [14]. Các chương trình liên kết đào tạo chủ yếu tập trung trong các lĩnh vực như quản trị kinh doanh và ngôn ngữ.

Mặt khác, các đề án xây dựng trường đại học xuất sắc và phân hiệu đại học quốc tế là những biểu hiện mạnh mẽ về chiều sâu hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học. Tuy nhiên, khía cạnh hợp tác này ở Việt Nam hiện nay chủ yếu có sự tham gia của các nước Châu Á và một số nước phát triển. Mục đích của dự án xây dựng trường đại học xuất sắc tại Việt Nam là thành lập mới

hoặc nâng cấp các cơ sở giáo dục đại học hiện có thành trường đại học nghiên cứu, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Hiện tại, 4 trường đại học mới thành lập trên cơ sở hợp tác với Đức, Pháp, Nga và Nhật Bản là Trường Đại học Việt - Đức, Trường Đại học Việt - Pháp, Trường Đại học Công nghệ Việt - Nga, Trường Đại học Việt - Nhật.

Hiện nay, ở Việt Nam có phân hiệu đại học quốc tế đến từ Úc, Thái Lan, Hoa Kỳ, Anh như Trường Đại học RMIT Việt Nam, Viện Công nghệ Châu Á, Đại học Fullbright, Trường Đại học Anh Quốc Việt Nam. Mặc dù số lượng phân hiệu đại học của Trung Quốc ở nước ngoài tương đối ít nhưng hai phân hiệu đại học đã được xây dựng và vận hành đều tập trung ở Đông Nam Á là phân hiệu Đại học Hạ Môn ở Malaysia và phân hiệu Đại học Tô Châu ở Lào. Như vậy, có thể thấy rằng, hợp tác trong lĩnh vực này giữa Việt Nam và Trung Quốc còn khoảng trống lớn.

2.2.3. Mức độ thu hút du học sinh giữa hai quốc gia còn chênh lệch lớn

Việt Nam và Trung Quốc đều là thị trường du học sinh rộng lớn, tuy nhiên sự thu hút du học sinh lẫn nhau giữa hai nước còn có nhiều khoảng cách chênh lệch. Trung Quốc là điểm đến du học phổ biến đối với sinh viên Việt Nam. Giai đoạn 1999 - 2016, trước khi tham gia vào BRI, Việt Nam thuộc nhóm 11 quốc gia có số lượng sinh viên theo học tại Trung Quốc cao nhất. Số lượng du học sinh tăng nhanh, từ 471 người năm 1999 lên 10.639 người năm 2016, tăng 22,6 lần. Tuy nhiên, sự gia tăng này không ổn định, giai đoạn 2013-2016 số lượng du học sinh Việt Nam tại Trung Quốc có xu hướng giảm (xem Bảng 1).

Bảng 1: Số lượng, thứ hạng và tỉ lệ sinh viên Việt Nam học tại Trung Quốc (1999 - 2020)

Năm	Số lượng sinh viên Việt Nam tại Trung Quốc	Tổng số sinh viên quốc tế tại Trung Quốc	Thứ hạng số lượng sinh viên Việt Nam	Tỉ lệ
1999	471	44.711	10	1,05%
2000	647	52.150	11	1,24%
2001	1.170	61.869	6	1,89%
2002	2.336	85.829	5	2,72%
2003	3.487	77.715	4	4,49%
2004	4.382	110.844	4	3,95%
2005	5.842	141.087	4	4,14%
2006	7.310	162.695	4	4,49%
2007	9.702	195.503	4	4,96%
2008	10.396	223.499	4	4,65%

Năm	Số lượng sinh viên Việt Nam tại Trung Quốc	Tổng số sinh viên quốc tế tại Trung Quốc	Thứ hạng số lượng sinh viên Việt Nam	Tỉ lệ
2009	12.247	238.184	4	5,14%
2010	13.018	265.090	5	4,91%
2011	13.549	292.611	5	4,63%
2012	13.038	328.330	7	3,97%
2013	12.799	356.499	7	3,59%
2014	10.658	377.054	11	2,83%
2015	10.031	397.635	11	2,52%
2016	10.639	442.773	10	2,40%
2018	11.299	492.185	11	2,30%
2020	13.549	529.000	-	2,56%

(Nguồn dẫn: *Thống kê quốc gia hàng năm về sinh viên quốc tế tại Trung Quốc, China Association for International Education*) [15]

Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, số lượng sinh viên Trung Quốc học tập tại Việt Nam còn rất hạn chế. Theo thống kê, mỗi năm chỉ có từ 2000 - 3000 sinh viên Trung Quốc theo học ở Việt Nam, chiếm tỉ lệ khoảng 0,02 - 0,03% tổng số du học sinh Trung Quốc trên toàn thế giới [16]. Sự chênh lệch trong di chuyển sinh viên giữa hai nước cho thấy sự phát triển giáo dục đại học của Trung Quốc hiện nay có sức hút với sinh viên Việt Nam nhưng giáo dục đại học Việt Nam chưa thực sự hấp dẫn đối với sinh viên Trung Quốc.

2.3. Việt Nam tham gia vào BRI và những tác động đầu tiên đến giáo dục đại học

Năm 2017, bằng việc kí kết Bản ghi nhớ về thúc đẩy kết nối giữa khuôn khổ “Hai hành lang, một vành đai” với sáng kiến “Vành đai và Con đường”, Việt Nam chính thức tham gia vào BRI. Sự kiện này đã mở ra cho hai nước cơ hội hợp tác phát triển toàn diện trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục. Từ sau khi Việt Nam tham gia BRI, hợp tác giáo dục đại học giữa hai nước đã có những biến chuyển nhất định. Số lượng du học sinh Việt Nam tại Trung Quốc có xu hướng tăng trở lại từ năm 2018, sau thời kì giảm sút số lượng trước đó. Năm 2020, số lượng sinh viên Việt Nam đạt 13.549 sinh viên trong tổng số 529.000 sinh viên quốc tế tại Trung Quốc, chiếm tỉ lệ 2.56% (xem Bảng 1).

Năm 2022, hai nước kí kết “Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực giáo dục giữa Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” nhằm khuyến khích và ủng hộ các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở nghiên cứu khoa học của hai bên giao lưu và hợp tác trong các lĩnh vực: trao

đổi thông tin, trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên, hợp tác nghiên cứu khoa học và các hoạt động học thuật khác. Hiệp định quy định: hàng năm, Trung Quốc cấp 150 suất học bổng toàn phần và 100 suất học bổng bán phần dành cho Việt Nam. Phía Việt Nam, mỗi năm cấp 15 suất học bổng toàn phần cho Trung Quốc. Ngoài ra, còn có các học bổng ngắn hạn để giảng dạy tiếng Trung và tiếng Việt [17]. Hiệp định này căn cứ pháp lý quan trọng để hai bên tăng cường và phát triển hợp tác giáo dục trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.

Ngoài ra, Việt Nam đã tích cực tham gia vào các hoạt động giao lưu, diễn đàn hợp tác giáo dục như: Diễn đàn giáo dục đại học Việt - Trung (2018); Tuần lễ Hợp tác giáo dục Trung Quốc - ASEAN (2022, 2023); Hội nghị bàn tròn Bộ trưởng Giáo dục Trung Quốc - ASEAN (2022); Diễn đàn Hiệu trưởng các trường đại học Lâm nghiệp khu vực Sông Lan Thương - Mê Kông (2023). Tại các sự kiện này, các trường đại học Việt Nam có cơ hội kết nối với các trường đại học của Trung Quốc để chia sẻ kinh nghiệm tổ chức và phát triển các chương trình liên kết đào tạo quốc tế cũng như phương hướng, triển vọng phát triển, xây dựng chương trình đào tạo trong bối cảnh mới.

Một số thỏa thuận hợp tác đã được kí kết như: Thỏa thuận hợp tác giữa Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam và Trường Đại học Lâm nghiệp Tây Nam Trung Quốc về việc trao đổi giảng viên sinh viên; hợp tác chương trình đào tạo 2 + 2, 3 + 1; Thành lập trung tâm lâm nghiệp và đổi mới sáng tạo Việt Nam - Trung Quốc [18]; Thỏa thuận hợp tác giữa Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội và Trường Đại học Khoa học kỹ thuật Quảng Tây Trung Quốc về tác liên kết đào tạo theo hình thức 2+2, 3+1 [19]; Thỏa thuận hợp tác giữa Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Huzhou, Trung Quốc [20]; Thỏa thuận hợp tác giữa Trường Đại học Thủy lợi và 6 trường đại học của Trung Quốc [21].

Mặc dù, Việt Nam mới bước đầu tham gia BRI nhưng hợp tác giáo dục đại học giữa hai nước đã đạt được những kết quả nhất định. Những hợp tác này đóng góp tiến bộ quan trọng trong quá trình quốc tế hóa của các trường đại học Việt Nam như thúc đẩy các chương trình liên kết đào tạo, tăng số lượng và sự đa dạng của các chương trình, tăng cường trao đổi sinh viên và giảng viên, hợp tác nghiên cứu.

2.4. Một số kiến nghị để thúc đẩy hợp tác quốc tế về giáo dục đại học giữa Việt Nam và Trung Quốc trong khuôn khổ BRI

2.4.1. Cải thiện các chính sách hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học

Hợp tác quốc tế về giáo dục đại học là xu thế tất yếu trong phát triển hội nhập kinh tế toàn cầu, tạo ra cơ hội để phát triển cho mỗi quốc gia, đặc biệt là những

quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Quốc tế hóa giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay còn nhiều tồn tại như: “Chưa có chính sách quốc gia về quốc tế hóa Giáo dục đại học, tính bền vững của quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học chưa cao, hạn chế về tiềm lực cơ sở vật chất, thiếu nguồn nhân lực, nguồn lực tài chính hạn hẹp” [22]. Từ thực trạng hợp tác giáo dục của hai quốc gia cho thấy, việc xây dựng các chính sách liên quan để thúc đẩy hợp tác về giáo dục đại học một cách sâu rộng là rất cấp thiết.

Để thực hiện điều này: Thứ nhất, Chính phủ hai nước cần hoàn thiện việc xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan một cách cụ thể trong hợp tác và trao đổi sinh viên, chương trình trao đổi học giả, công nhận lẫn nhau về văn bằng học thuật để đảm bảo sự ổn định và hiệu quả của hợp tác quốc tế; Thứ hai, các cơ quan liên quan của Chính phủ như Bộ Giáo dục và Đào tạo cần nghiên cứu thúc đẩy hợp tác quốc tế ở cấp cao như mở các phân hiệu đại học Trung Quốc ở Việt Nam; các cơ sở giáo dục đại học cần xây dựng các chương trình liên kết đào tạo mà Trung Quốc là một trong những quốc gia có thế mạnh hàng đầu như khoa học trí tuệ nhân tạo, sinh học và kỹ thuật [23]; tiến hành tổ chức diễn đàn cấp cao để trao đổi giáo dục đại học nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, tạo điều kiện để hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và Việt Nam theo các nền tảng mới.

2.4.2. Tăng cường chiều sâu hợp tác giáo dục trong các ngành, lĩnh vực liên quan xung quanh các dự án BRI

Trung Quốc là đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam. Theo thống kê của BRI, thương mại giữa Trung Quốc và Việt Nam đã tăng trưởng nhanh chóng, từ 8.363.641 triệu USD năm 2014 lên 19.229.008 triệu USD năm 2020, tăng 129,91%, cao thứ hai trong số 64 quốc gia thuộc BRI và cao thứ nhất trong 11 quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) [24]. Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại đầu tiên có kim ngạch thương mại song phương vượt 100 tỉ đô la Mỹ trong số hơn 200 quốc gia và khu vực có quan hệ thương mại với Việt Nam.

Tham gia vào BRI sẽ tăng cường hơn nữa hợp tác kinh tế, thương mại và tạo ra những lợi ích kinh tế lớn hơn cho hai quốc gia. Nó đồng nghĩa với việc điều chỉnh nhu cầu cung ứng nguồn nhân lực trong các ngành, lĩnh vực liên quan xung quanh các dự án của BRI như xây dựng cơ sở hạ tầng đường sắt, đường hầm, sân bay, cầu đường. Do vậy, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các dự án này là yêu cầu cấp thiết. Trong quá trình này, các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam cần hợp tác đặc biệt với các công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất của Trung Quốc. Sự liên kết hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp gồm các hoạt động như tham quan thực tế, nhận sinh viên thực tập tốt nghiệp, xây dựng chương trình đào tạo, trao đổi chuyên môn,

học tập kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

2.4.3. Tăng cường hợp tác giáo dục đại học thông qua nền tảng ASEAN

So với các khu vực khác trên thế giới trong bối cảnh Trung Quốc thực thi BRI, sự phát triển hợp tác giáo dục đại học giữa Trung Quốc và ASEAN có thể được coi là nhanh chóng và toàn diện nhất [25]. Trung Quốc và ASEAN đã đạt được nhiều kết quả trong hợp tác giáo dục đại học. Do đó, Việt Nam cần tích cực tham gia hợp tác và trao đổi với ASEAN trong lĩnh vực giáo dục, không chỉ để nắm bắt các cơ hội quan trọng của BRI mà còn nâng cao chất lượng hợp tác quốc tế.

Ở cấp độ quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tích cực tham gia vào các diễn đàn, hội nghị, mạng lưới hợp tác giáo dục ASEAN - Trung Quốc như Tuần lễ trao đổi giáo dục Trung Quốc - ASEAN, Hội nghị bàn tròn cấp Bộ trưởng Giáo dục Trung Quốc-ASEAN, Mạng lưới các trường đại học ASEAN mở rộng (ASEAN + 3 Unet). Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các trường đại học cần chủ động tham gia vào các hoạt động hợp tác như: Không gian giáo dục đại học ASEAN 2025; Hội nghị Lãnh đạo Thanh niên Đại học ASEAN - Trung Quốc; Chương trình Lãnh đạo giáo dục Tương lai; Mạng lưới hợp tác và trao đổi giữa các trường đại học kỹ thuật và công nghệ ASEAN -Trung Quốc; Diễn đàn giáo dục kỹ thuật số ASEAN - Trung Quốc. Thông qua nền tảng hợp tác này, sẽ tăng cường hơn nữa sự hiểu biết, tình hữu nghị và đoàn kết giữa hai nước Việt - Trung. Đồng thời góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển kinh tế, thương mại, dịch vụ, nghiên cứu khoa học.

Ở cấp độ địa phương, Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường đại học của Việt Nam tại các tỉnh giáp ranh với Vân Nam, Quảng Đông và Quảng Tây của Trung Quốc cần phát huy ưu thế của mình về vị trí địa lý, quan hệ thương mại lâu đời để thúc đẩy hợp tác giáo dục. Bởi khu vực này là cửa ngõ để Trung Quốc hướng vào ASEAN. Hợp tác giáo dục ở cấp độ này có thể giúp các trường cải thiện trình độ giáo dục hiện có, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao hơn cho sự phát triển kinh tế địa phương.

3. Kết luận

Quốc tế hóa giáo dục đại học là một xu hướng phát triển khách quan. BRI không chỉ là con đường hợp tác kinh tế mà còn là con đường giao lưu văn hóa - giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học. Từ thực trạng hợp tác trước khi Việt Nam tham gia vào BRI và những hiệu quả đầu tiên đối với giáo dục đại học Việt Nam sau khi tham gia BRI cho thấy, hai quốc gia cần tăng cường hơn nữa chiều sâu hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học. Để quá trình này đạt hiệu quả, Việt Nam cần hoàn thiện cơ chế chính sách hợp tác giáo dục ở cấp quốc gia; các cơ sở giáo dục đại học cần tận dụng tối đa cơ hội hợp tác xung quanh các dự án BRI trong đào tạo nguồn nhân lực, liên kết đào tạo trường đại học và doanh nghiệp, hợp tác nghiên cứu khoa học, trao đổi học giả, đồng thời tích cực tham gia tìm kiếm cơ hội hợp tác dựa trên nền tảng ASEAN. Việc tăng cường hợp tác giáo dục đại học là cách thức để Việt Nam tham gia vào làn sóng cạnh tranh giáo dục quốc tế cũng như khắc phục được những tồn tại trong quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Tài liệu tham khảo

- [1] BR net, 我国已签署共建“一带一路”合作文件205份 (*Trung Quốc đã ký kết 205 văn bản hợp tác để cùng xây dựng “Vành đai và Con đường”*), (2021), <https://www.yidaiyilu.gov.cn/xwzx/gnxw/163241.htm>.
- [2] BRF, *Joint Communique of the Leaders’ Roundtable of the 2nd Belt and Road Forum for International Cooperation*, (2019), <http://www.beltandroadforum.org/english/n100/2019/0427/c36-1311.html>.
- [3] Ministry of Education of the People’s Republic of China, *Education Action Plan for the Belt and Road Initiative*, (2016), <https://eng.yidaiyilu.gov.cn/zchj/qwfb/30277.htm>.
- [4] Ministry of Education of the People’s Republic of China, 教育部三项成果纳入第二届“一带一路”国际合作高峰论坛成果清单 (*Ba thành tích của Bộ Giáo dục được đưa vào danh sách thành tựu của Diễn đàn cấp cao hợp tác quốc tế “Vành đai và Con đường” lần thứ hai*), (2019).
- [5] Ministry of Education of the People’s Republic of China, *Educational opening up to provide services for the Belt and Road*, (2018), http://en.moe.gov.cn/Specials/Review/Facts_2147443481/201806/t20180626_341024.html.
- [6] Ministry of Education of the People’s Republic of China, *The role of education in promoting ties in BRI countries*, (2021), <https://eng.yidaiyilu.gov.cn/qwyw/rdxw/167511.htm>.
- [7] I. d’Hooghe, *2 China’s BRI and International Cooperation in Higher Education and Research, in: Global Perspectives on China’s Belt and Road Initiative*, Amsterdam University Press, (2021), pp. 35–58. <https://doi.org/10.1515/9789048553952-003>.
- [8] B. Chunli, *The Road to Innovation*, *Bulletin of the Chinese Academy of Sciences*, 32(3), 130-132., Bulletin of the Chinese Academy of Sciences. 32, (2018), 130–132. https://english.cas.cn/bcas/2018_3/201810/P020181031691157289944.pdf.
- [9] L. Aisi, A. Ruby, *The Belt and Road Initiative and Higher Education*, *International Higher Education*, (2020), 18–20. <https://ejournals.bc.edu/index.php/ihe/article/view/14645>.
- [10] ANSO, *What is ANSO*, (n.d.), <http://www.anso.org.cn/>

- about/anso/ (accessed July 25, 2023).
- [11] R. Yang, Internationalization, Regionalization, and Soft Power: *China's Relations with ASEAN Member Countries in Higher Education*, *Frontiers of Education in China*. 7, (2012), 486–507. <https://doi.org/10.1007/BF03396951>.
- [12] Mạng lưu học sinh Việt Nam, 中越教育交流与合作 (*Giao lưu và hợp tác giáo dục Việt – Trung*), (2022), <https://vietnam.lxgz.org.cn/vietnam/jyjl/2022083016180125823/index.html>.
- [13] Yiming, 我校与越南老街省教育厅签署合作培训合同 (*Trường chúng tôi đã kí hợp đồng hợp tác đào tạo với Sở giáo dục tỉnh Lào Cai, Việt Nam*), (2007), <http://www.ynu.edu.cn/info/1004/20719.htm>.
- [14] Bộ Giáo dục và đào tạo, *Danh sách các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài đã được bộ giáo dục và đào tạo phê duyệt (tính đến 21/03/2017)*, (2017).
- [15] CAFSA, 年度全国来华留学生数据统计 (*Thống kê quốc gia hàng năm về sinh viên quốc tế tại Trung Quốc*), (n.d.), <http://www.cafsa.org.cn/research/72.html> (accessed July 25, 2023).
- [16] M.H. Vũ, *Quan hệ giao lưu và hợp tác giáo dục giữa Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn từ 1950 đến nay*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, (2019). http://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU_123/88389.
- [17] Bộ Ngoại giao, *Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực giáo dục giữa Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*, (2022).
- [18] Trường Đại học Lâm nghiệp, *Diễn đàn Hiệu trưởng các trường đại học Lâm nghiệp khu vực Sông Mê Kông mở ra nhiều cơ hội hợp tác mới*, (2023), <https://vnuf.edu.vn/dien-dan-hieu-truong-cac-truong-dai-hoc-lam-nghiep-khu-vuc-song-me-kong-mo-ra-nhieu-co-hoi-hop-tac-moi.html>.
- [19] Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, *Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội kí kết thỏa thuận hợp tác đào tạo với Trường Đại học Khoa học kỹ thuật Quảng Tây, Trung Quốc*, (2023), <https://www.hau.edu.vn/vn/tin-tuc/truong-dai-hoc-cong-nghiep-ha-noi-ky-ket-thoa-thuan-hop-tac-dao-tao-voi-truong-dai-hoc-khoa-hoc-ky-thuat-quang-tay-trung-quooc/64028>.
- [20] Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, *Lễ kí kết thỏa thuận hợp tác (MOU) giữa JABES – UEH và Trường Đại học Huzhou (Trung Quốc)*, (2019), https://www.ueh.edu.vn/tin-tuc/le-ky-ket-thoa-thuan-hop-tac-mou-giua-jabes---ueh-va-truong-dai-hoc-huzhou-trung-quooc_15082.
- [21] Trường Đại học Thủy lợi, *Mạng lưới Hợp tác quốc tế*, (2020). <https://www.tlu.edu.vn/thoa-thuan-hoptac>.
- [22] T.H.T. Nguyễn, *Quốc tế hóa giáo dục đại học ở Việt Nam (2001-2020)*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, (2022).
- [23] F.N. d'Hooghe, I., Montulet, A., de Wolff, M., & Pieke, *Assessing Europe-China Collaboration in Higher Education and Research*. Leiden: Leiden Asia Centre, Leiden, (2018).
- [24] BR net, 一带一路大数据指数 (Các dữ liệu Vành đai và Con đường), (2022), https://www.yidaiyilu.gov.cn/info/iList.jsp?tm_id=513.
- [25] J. Wang, W. Yang, *Reflections on China - ASEAN Higher Education Cooperation in the Context of the "Belt & Road Initiative" BT - Proceedings of the 2nd International Symposium on Business Corporation and Development in South-East and South Asia under B&R Initiative (ISBCD)*, in: Atlantis Press, 2017: pp. 241–244. <https://doi.org/10.2991/isbcd-17.2017.49>.

THE “BELT AND ROAD INITIATIVE” AND COOPERATION PROSPECTS IN HIGHER EDUCATION BETWEEN VIETNAM AND CHINA

Nguyen Thi Quy

Email: ntquy@ued.udn.vn
 University of Science and Education -
 The University of Danang
 459 Ton Duc Thang street, Lien Chieu,
 Danang City, Vietnam

ABSTRACT: *Internationalization and regionalization are currently the main trends in higher education around the world. A very close geographical location, attached trade relations, and similarities in culture and education are advantageous factors for the higher education cooperation between Vietnam and China, especially in the context that China is implementing the policy of the “Belt and Road Initiative” (BRI). The two countries need to establish and implement processes and policies based on reassessing the status of prior cooperation to promote comprehensive cooperation in higher education in the new setting. This article aims to recap and present China's education policy within the BRI framework as well as the state of China-Vietnam higher education cooperation before Vietnam's BRI participation, then proposes some recommendations for future cooperation.*

KEYWORDS: *The Belt and Road Initiative, internationalization, higher education, Vietnam, China.*